

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS - ST Ngày:  
22-3-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố  
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Lâm Thị Loan Em

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Toà án nhân dân huyện  
Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh  
Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:  
19/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng cầm  
cố tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐST-DS ngày  
12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S.

Trụ sở: Số A, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An

- Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Anh H năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Số D, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo văn bản ủy quyền  
số 289/2023/UQ-SVN ngày 01/10/2023.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khánh Q năm 1997 (vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2024 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Võ A** trình bày:

Ngày 14/03/2023 ông **Nguyễn Khánh Q1** đến Công ty cổ phần S1 tiền có ngay **chi nhánh T** ký hợp đồng cầm cố tài sản số TRM230301004NA21X có đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ. Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh biển số 83T1-056.55, loại xe honda SCOOPY màu trắng, số khung MH1JM0215MK049729, số máy JM02E1059981, số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001475 Do **Công an tỉnh S2** cấp ngày 26/04/2021 để lấy số tiền là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 14/03/2023 - 14/03/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Ông **Q2** nhận đủ tiền.

Quá trình trả nợ, ông **Nguyễn Khánh Q3** thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty đã vi phạm hợp đồng ký kết giữa các bên nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Nguyễn Khánh Q4** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 23.466.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tạm tính đến ngày **20/11/2023** bao gồm nợ gốc 15.128.000 đồng, nợ lãi 1.332.000 đồng, phí 5.886.000 đồng, phí theo dõi 300.000 đồng/tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trong trường hợp ông **Nguyễn Khánh Q4** không có khả năng trả nợ thì phát mãi tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản và yêu cầu bị đơn trả tiền phí 5.886.000 đồng, phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chỉ yêu cầu anh **Nguyễn Khánh Q5** số tiền nợ gốc còn lại 15.128.000 đồng và tiền lãi phát sinh trong hạn là 1.203.684 đồng. Đối với lãi suất quá hạn vì hợp đồng mới hết hạn ngày 14/3/2024 nên phía nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi quá hạn chỉ yêu cầu anh **Q6** tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Bị đơn anh **Nguyễn Khánh Q7** mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2024 như sau: Tôi có ký với **công ty cổ phần S3** có ngay – Chi nhánh huyện T để cầm cố chiếc xe máy biển số 83T1-056.55 loại xe honda Scoopy màu trắng để vay số tiền 20.000.000 đồng, nhận tiền theo hình thức chuyển khoản (nhận tiền cùng ngày ký hợp đồng), mỗi tháng đóng lại trả cho **công ty K1** đồng, đã đóng được khoảng 05 đến 06 kỳ, không nhớ rõ còn nợ bao nhiêu. Đối với yêu cầu



khởi kiện của nguyên đơn thì anh cũng đồng ý trả nhưng hiện không có khả năng trả một lần.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Khánh Q4 có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện T a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tại phiên tòa nguyên đơn Công ty sawad tiên có ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Q phải có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc lẫn lãi thông qua hợp đồng cầm cố tài sản. Vì vậy đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng cầm cố theo quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015; tranh chấp phát sinh giữa cá nhân và cá nhân, đây là tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đã đến Tòa án tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án. Đối với bị đơn anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn K Q.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/3/2024 là 16.331.684 đồng, trong đó nợ gốc 15.128.000 đồng, tiền lãi 1.203.684 đồng. Bị đơn trình bày khi cầm cố xe chỉ nhận số tiền 20.000.000 đồng chứ không phải 22.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty cổ phần S1 tiên có ngay có cung cấp cho tòa án các phiếu chi, phiếu thu và chứng từ giao dịch cùng ngày ký hợp đồng cầm cố 14/3/2023 thể hiện việc anh Q2 nhận số tiền 22.000.000 đồng nên việc anh Qui t bchỉ nhận số tiền 20.000.000 đồng là không có cơ sở. Xét hợp đồng cầm cố số TRM230301004NA21X được ký ngày 14/03/2023 nội dung cầm cố anh

**Nguyễn Khánh Q4** cầm cố cho Công ty chiếc xe máy honda Scoopy mang biển số 83T1-056.55 để lấy số tiền 22.00.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng kể từ ngày 14/3/2023 đến ngày 14/3/2024. Như vậy Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc, phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Q không trả tiền gốc cho Công ty khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hợp đồng cầm cố có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải thi hành. Buộc anh **Nguyễn Khánh Q4** phải trả cho Công ty Cổ phần S1 tiền có ngay số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/3/2024 là 16.331.684 đồng (trong đó tiền gốc 15.128.000 đồng, tiền lãi 1.203.684đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản và yêu cầu bị đơn trả tiền phí 5.886.000 đồng, phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán nguyên đơn rút lại yêu cầu là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 tiền có ngay được chấp nhận nên bị đơn anh **Nguyễn Khánh Q4** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền phải trả cho Công ty Cổ phần S1 tiền có ngay là 16.331.684 đồng x 5% là 816.584 đồng.

Công ty cổ phần S1 tiền có ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S1 tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí 586.600 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000486 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[7] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147;



Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 309, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 tiền có ngay.

Buộc anh Nguyễn Khánh Q8 trả cho Công ty cổ phần S1 tiền có ngay tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/3/2024 là 16.331.684 đồng (trong đó nợ gốc 15.128.000 đồng, tiền lãi 1.203.684 đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Ngay sau khi anh Nguyễn Khánh Q4 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì Công ty cổ phần S1 tiền có ngay có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của anh Nguyễn Khánh Q4, biển kiểm soát 83T1.056.55 và xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với ông Q9 hệ thống trực tuyến của cục Đ

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về yêu cầu xử lý tài sản và yêu cầu bị đơn trả tiền phí 5.886.000 đồng, phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

5. Án phí: Bị đơn anh Nguyễn Khánh Q4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 816.584 đồng. Công ty cổ phần S1 tiền có ngay không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần S1 tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí 586.600 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000486 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Tuyết Kha**